

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN 3**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số : 1971/UBND-GDDĐT-TCKH

Quận 3, ngày 11 tháng 11 năm 2023

Về các mức thu năm học 2023 – 2024  
áp dụng cho các cơ sở giáo dục  
công lập thuộc Quận 3.

Kính gửi:

- Các trường công lập thuộc Quận 3;
- Trung tâm GDNN – GDTX Quận 3;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch Quận 3;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 3.

Căn cứ Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2022-2023 và các năm học tiếp theo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố về quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2023-2024 (Nghị Quyết số 04/2023/NQ-HĐND);

Căn cứ Quyết định số 3260/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành kế hoạch thời gian năm học 2023-2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 5274/UBND-VX ngày 25 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc cho phép tạm thu học phí học kỳ I năm học 2023-2024 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố tại Công văn số 3979/UBND-VX ngày 27 tháng 10 năm 2022 về triển khai Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố; Công văn số 3770/UBND-VX ngày 03 tháng 8 năm 2023 về triển khai Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố;



Căn cứ Công văn số 4687/SGDDĐT-KHTC ngày 25 tháng 08 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2023-2024 của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 5577/SGDDĐT-KHTC ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về chấn chỉnh công tác thu, chi đầu năm học; vận động tài trợ cho giáo dục và kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh năm học 2023-2024;

Căn cứ Công văn số 6208/SGDDĐT-KHTC ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn thu, sử dụng học phí năm học 2023-2024 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 3 và Phòng Tài chính – Kế hoạch Quận 3 tại Tờ trình số 106/TTr-TCKH-GDDĐT ngày 08 tháng 11 năm 2023 về thu học phí và các khoản thu khác năm học 2023 - 2024 tại các trường học công lập thuộc Quận 3;

Ủy ban nhân dân Quận 3 chấp thuận cho phép các trường học công lập thuộc Quận 3, Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên Quận 3 được thu và sử dụng các khoản thu khác năm học 2023-2024 như sau:

#### **I. Về mức thu và hướng dẫn sử dụng học phí đối với các cơ sở giáo dục thuộc Quận:**

Thực hiện theo Công văn số 5274/UBND-VX ngày 25 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc cho phép tạm thu học phí học kỳ I năm học 2023-2024 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Công văn số 6208/SGDDĐT-KHTC ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn thu, sử dụng học phí năm học 2023-2024 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh:

1.1. Mức thu học phí theo hình thức học trực tiếp năm học 2023 - 2024 đối với các trường công lập thuộc Quận 3 và Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên Quận 3 : thực hiện tạm thu theo mức thu học phí được quy định tại Nghị quyết số 28/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố về quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2021-2022 trên địa bàn

Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể:

*Đơn vị tính: đồng/học sinh/tháng*

| Bậc học             | Học phí   |
|---------------------|-----------|
| Nhà trẻ             | 200.000   |
| Mẫu giáo            | 160.000   |
| Tiểu học            | không thu |
| Trung học cơ sở     | 60.000    |
| Trung học phổ thông | 120.000   |

1.2. Mức thu học phí theo hình thức học trực tuyến (học online) bằng 50% mức thu học phí nêu trên. Mức thu học phí được làm tròn đến đơn vị nghìn đồng.

1.3. Thời gian thực hiện: Các cơ sở giáo dục công lập được triển khai tạm thu học phí học kỳ I năm học 2023 - 2024 (bao gồm học phí đã phát sinh trong tháng 9, tháng 10 năm 2023) cho đến khi Thành phố có hướng dẫn mới.

## **II. Về các khoản thu dịch vụ, phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục công lập (không bao gồm học phí):**

### **1. Nguyên tắc chung:**

Thực hiện theo Điều 3 Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố về quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2023 - 2024:

- Các cơ sở giáo dục công lập căn cứ vào tình hình thực tế, điều kiện cơ sở vật chất và nhu cầu của học sinh để xây dựng dự toán thu - chi cho từng nội dung thu, làm căn cứ tính toán mức thu cụ thể đảm bảo nguyên tắc thu đủ chi đủ, phù hợp với tình hình thực tế năm học trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc sử dụng các khoản thu phải đúng mục đích thu, công khai kế hoạch thu - chi của từng khoản thu đến cha mẹ học sinh trước khi tổ chức thực hiện và thực hiện đầy đủ các chế độ quản lý tài chính theo quy định.

- Thời gian thu phải đảm bảo nguyên tắc theo số tháng thực học nhưng không vượt quá khung thời gian quy định do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định về Kế hoạch thời gian năm học của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

| STT | Nội dung thu                                                          | Đơn vị<br>tính | Mức thu tối đa |             |                       |                     | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------------------|----------------|----------------|-------------|-----------------------|---------------------|---------|
|     |                                                                       |                | Mầm<br>non     | Tiểu<br>học | Trung<br>học cơ<br>sở | TT<br>GDNN-<br>GDTX |         |
| I   | Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khóa |                |                |             |                       |                     |         |

|     |                                                                   |                         |         |         |         |         |                                                                                                             |
|-----|-------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày                                  | đồng/học sinh/tháng     |         | 138.000 | 173.000 |         | Áp dụng đối với các đơn vị trường học thực hiện chế độ dạy 2 buổi/ngày (không áp dụng cho lớp 1 đến lớp 4). |
| 2   | Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ                         | đồng/học sinh/tháng     |         | 100.000 | 115.000 |         | Thời lượng tổ chức thực hiện các hoạt động theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo                        |
| 3   | Tiền tổ chức dạy Tin học                                          |                         |         |         |         |         |                                                                                                             |
| 3.1 | Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn                          | đồng/học sinh/tháng     |         | 50.000  | 50.000  |         |                                                                                                             |
| 3.2 | Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Tin học                           | đồng/học sinh/tháng     |         | 70.000  | 100.000 |         |                                                                                                             |
| 4   | Tiền tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động         |                         |         |         |         |         |                                                                                                             |
| 4.1 | Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, câu lạc bộ  | đồng/học sinh/tháng/môn | 80.000  | 120.000 | 92.000  |         |                                                                                                             |
| 4.2 | Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống                                     | đồng/học sinh/tháng     | 120.000 | 92.000  | 80.000  |         |                                                                                                             |
| 4.3 | Tiền tổ chức giáo dục Stem                                        | đồng/học sinh/tháng     | 90.000  | 90.000  | 180.000 |         |                                                                                                             |
| 4.4 | Tiền tổ chức học bơi                                              | đồng/học sinh/tháng     |         | 115.000 | 220.000 |         |                                                                                                             |
| 4.5 | Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người                              | đồng/học sinh/tháng     | 480.000 | 255.000 | 230.000 | 180.000 |                                                                                                             |
| 4.6 | Tiền tổ chức học ngoại ngữ sử dụng                                | đồng/học sinh/tháng     | 250.000 | 250.000 |         |         |                                                                                                             |
| 4.7 | Tiền tổ chức chương trình ngoại ngữ thông qua môn toán và khoa    | đồng/học sinh/tháng     |         | 500.000 |         |         |                                                                                                             |
| 5   | Tiền tổ chức dạy bổ sung kiến thức tại các cơ sở thường xuyên     | đồng/học sinh/tiết      |         |         | 7.000   | 7.000   |                                                                                                             |
| 6   | Tiền tổ chức nuôi dạy trẻ mầm non trong hè                        | đồng/học sinh/tuần      | 400.000 |         |         |         |                                                                                                             |
| II  | Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục thực hiện theo đề án | đồng/học sinh/tháng     |         |         |         |         |                                                                                                             |

|            |                                                                                                                                                                                              |                     |         |           |           |  |                                                                                                                                                                       |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------|-----------|-----------|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 8          | Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Dạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam"                                                                   | đồng/học sinh/tháng |         | 3.600.000 | 3.600.000 |  | Quyết định số 5695/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố                                                                                    |
| 9          | Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021-2030" | đồng/học sinh/tháng |         | 150.000   | 180.000   |  | Quyết định số 762/QĐ-UBND ngày 05 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố                                                                                      |
| <b>III</b> | <b>Các khoản thu dịch vụ phục vụ cho hoạt động bán trú</b>                                                                                                                                   |                     |         |           |           |  |                                                                                                                                                                       |
| 10         | Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú                                                                                                                                             | đồng/học sinh/tháng | 517.000 | 345.000   | 265.000   |  |                                                                                                                                                                       |
| 11         | Tiền phục vụ ăn sáng                                                                                                                                                                         | đồng/học sinh/tháng | 220.000 |           |           |  |                                                                                                                                                                       |
| 12         | Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú                                                                                                                                     | đồng/học sinh/năm   | 450.000 | 220.000   | 200.000   |  |                                                                                                                                                                       |
| 13         | Tiền giữ trẻ mầm non ngoài giờ                                                                                                                                                               | đồng/học sinh/giờ   | 12.000  |           |           |  |                                                                                                                                                                       |
| 14         | Tiền công trả lương cho nhân viên nuôi dưỡng theo NQ 04/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 và NQ 04/2021/NQ-HĐND ngày 23/3/2021                                                                     |                     |         |           |           |  | Căn cứ trên số lượng nhân viên nuôi dưỡng thực tế tại đơn vị để tính toán mức thu cụ thể nhưng không được vượt quá mức thu quy định tại Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND |
| 14.1       | Nhà trẻ                                                                                                                                                                                      | đồng/học sinh/tháng | 120.000 |           |           |  |                                                                                                                                                                       |
| 14.2       | Mẫu giáo                                                                                                                                                                                     | đồng/học sinh/tháng | 120.000 |           |           |  |                                                                                                                                                                       |
| <b>IV</b>  | <b>Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân học sinh</b>                                                                                                                                             |                     |         |           |           |  |                                                                                                                                                                       |
| 15         | Tiền mua sắm đồng phục học sinh                                                                                                                                                              | đồng/học sinh/năm   | 170.000 | 120.000   |           |  |                                                                                                                                                                       |

|      |                                                                                     |                     |         |         |        |        |                                                                             |
|------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------|---------|--------|--------|-----------------------------------------------------------------------------|
| 16   | Tiền học phẩm – học cụ - học liệu                                                   | đồng/học sinh/năm   |         |         |        |        |                                                                             |
| 16.1 | Học phẩm                                                                            | đồng/học sinh/năm   | 50.000  | 50.000  | 50.000 | 48.000 |                                                                             |
| 16.2 | Học cụ - Học liệu                                                                   | đồng/học sinh/năm   | 550.000 | 60.000  |        |        |                                                                             |
| 17   | Tiền suất ăn trưa bán trú                                                           | đồng/học sinh/ngày  | 35.000  | 35.000  | 35.000 |        |                                                                             |
| 18   | Tiền suất ăn sáng                                                                   | đồng/học sinh/ngày  | 18.000  |         |        |        |                                                                             |
| 19   | Tiền nước uống                                                                      | đồng/học sinh/tháng | 20.000  | 20.000  | 20.000 | 4.400  |                                                                             |
| 20   | Tiền khám sức khỏe học sinh ban đầu (bao gồm khám nha học đường)                    | đồng/học sinh/năm   | 70.000  | 60.000  | 50.000 | 30.000 |                                                                             |
| 21   | Tiền sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh (tiền điện, chi phí bảo trì máy lạnh) | đồng/học sinh/tháng | 50.000  | 45.000  | 35.000 |        | Áp dụng đối với các trường - lớp có trang bị máy lạnh do tài trợ, tặng, ... |
| 22   | Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số                 | đồng/học sinh/năm   | 60.000  | 100.000 | 95.000 |        |                                                                             |
| 23   | Tiền trông giữ xe học sinh                                                          | đồng/học sinh/tháng |         |         | 2.000  | 2.000  |                                                                             |

Riêng đối với Trường Tương lai trong nhiều năm qua thực hiện dạy chương trình Mầm non, đối với chương trình phổ thông 2018 dành cho cấp Tiểu học thì học sinh không có khả năng học (học sinh khuyết tật trí tuệ nặng) nên tuy trường thuộc cấp tiểu học quản lý nhưng trường vẫn áp dụng chương trình dạy học theo cấp học Mầm non và chương trình khung dành lớp 1 dành cho học sinh khuyết tật trí tuệ (vì chương trình khung trình độ bằng lớp Mẫu giáo 3-4 và 5 tuổi theo chương trình giáo dục Mầm non) được thực hiện mức thu theo khối Mầm non theo đơn vị đề nghị các khoản thu để phục vụ cho bán trú.

Đối với các khoản thu bảo hiểm y tế các đơn vị trường học thực hiện theo công văn số 4103/HDLS/BHXXH-GDĐT ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Liên tịch Sở Giáo dục và Đào tạo - Bảo Hiểm Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh Hướng dẫn thực hiện Bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên năm học 2023-2024.

Đối với các khoản thu bảo hiểm tai nạn học sinh thực hiện theo nhu cầu của cha mẹ học sinh trên tinh thần tự nguyện, không áp đặt và thực hiện theo mức thu chung của các Công ty bảo hiểm trên địa bàn Thành phố.

Yêu cầu các cơ sở giáo dục phải thỏa thuận với cha mẹ học sinh về chủ trương, công khai mức thu, nội dung chỉ đảm bảo nguyên tắc thu đủ bù chi, phù hợp với quy mô cơ sở đơn vị và với khả năng đóng góp của cha mẹ học sinh.

**Việc tổ chức các lớp học phụ đạo học sinh yếu kém, bồi dưỡng học sinh giỏi là nhiệm vụ của trường, do đó các cơ sở giáo dục không được phép thu tiền.**

- Một số nội dung đặc thù so với năm học 2022-2023:

+ Đối với khoản thu *“Tiền công trả lương cho nhân viên nuôi dưỡng theo Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 23 tháng 03 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố”*: ngân sách thành phố hỗ trợ hợp đồng nhân viên nuôi dưỡng bằng 50% mức lương tối thiểu Vùng I do Chính phủ công bố, còn lại chi từ nguồn xã hội hóa (tùy theo điều kiện cụ thể từng đơn vị), thời gian thực hiện hỗ trợ 09 tháng/năm. Như vậy, tiền công trả lương cho nhân viên nuôi dưỡng thu từ cha mẹ học sinh quy định tại Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND là số chênh lệch còn lại sau khi trừ đi số tiền ngân sách thành phố hỗ trợ so với tiền lương trên hợp đồng lao động. Các cơ sở giáo dục căn cứ trên số lượng nhân viên nuôi dưỡng thực tế tại đơn vị để tính toán mức thu cụ thể nhưng **không được vượt quá mức thu quy định tại Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND** ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố (mục 16.1 và mục 16.2).

+ Đối với khoản thu *“Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số”*: bao gồm các nội dung như sổ liên lạc điện tử, phần mềm quản lý thẻ, các phần mềm học trực tuyến... Các cơ sở giáo dục căn cứ nhu cầu của phụ huynh, học sinh, điều kiện cơ sở vật chất, năng lực giáo viên và đơn giá cung cấp dịch vụ để tính toán mức thu cụ thể nhưng không được vượt quá mức trần tối đa theo quy định.

**2.2. Quản lý và sử dụng các khoản thu, việc trích lập nguồn Cải cách tiền lương:**

Trên cơ sở nội dung và khung mức thu được quy định theo phân cấp, các cơ sở giáo dục công lập căn cứ vào tình hình thực tế, điều kiện cơ sở vật chất và nhu cầu của cha mẹ học sinh để xây dựng Dự toán thu - chi cho từng nội dung thu làm căn cứ tính toán mức thu cụ thể phù hợp từng đơn vị năm học 2023 - 2024.

Đề nghị các cơ sở giáo dục khi xây dựng dự toán cần căn cứ nội dung theo các hướng dẫn chuyên môn của ngành giáo dục về thực hiện các chương trình dạy học 2 buổi/ngày, chương trình ngoại khóa và các nội dung khác theo

quy định, trong đó cần lưu ý một số nội dung cụ thể như sau:

+ Về Dự toán thu - chi đối với các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục (không bao gồm học phí): phải xây dựng trước khi thông báo công khai mức thu cho cha mẹ học sinh, các khoản thu này phải được thống nhất với cha mẹ học sinh trước khi triển khai thực hiện.

+ Đơn vị phát hành biên lai thu tiền, hóa đơn cho học sinh khi thu tiền và lưu ý giãn thời gian thực hiện các khoản thu, không tổ chức thu gộp nhiều khoản trong cùng một thời điểm, đồng thời thực hiện đầy đủ các chế độ quản lý tài chính theo quy định.

- Các cơ sở giáo dục công lập thực hiện trích lập tối thiểu 40% số chênh lệch thu lớn hơn chi của số thu dịch vụ (nếu có), các hoạt động liên doanh liên kết và các khoản thu khác trong năm 2023 để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định. Riêng đối với khoản thu học phí thực hiện trích lập tối thiểu 40% số thu học phí.

### **III. Đối với các khoản huy động tài trợ, ủng hộ tự nguyện và kinh phí hoạt động của Ban đại diện Cha mẹ học sinh:**

#### **1. Đối với khoản huy động tài trợ, ủng hộ tự nguyện:**

Việc quản lý và sử dụng các khoản huy động tài trợ, ủng hộ tự nguyện thực hiện theo quy định tại Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2018 và kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Tiếp tục thực hiện quy định tại Công văn số 1427/UBND-VX ngày 17 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố về hướng dẫn thực hiện Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2018. Về nội dung này, Sở Giáo dục và Đào tạo đã có Công văn số 2466/SGDĐT-KHTC ngày 15 tháng 7 năm 2022 về hướng dẫn về việc tiếp nhận tài trợ cho các cơ sở giáo dục và kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh cho các đơn vị trực thuộc Sở tổ chức thực hiện và Công văn số 316/TCKH ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Phòng Tài chính - Kế hoạch Quận 3 về hướng dẫn tiếp nhận tài trợ và quản lý, sử dụng các khoản tài trợ tại các trường công lập trên địa bàn Quận 3.

Kế hoạch vận động phải được Phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt trước khi tổ chức vận động và trên tinh thần tự nguyện, không áp đặt;

+ Nội dung Kế hoạch vận động tài trợ phải xác định rõ mục đích, đối tượng thụ hưởng; kế hoạch triển khai thực hiện; dự toán kinh phí (có bảng dự toán kinh phí và bảng báo giá kèm theo kế hoạch để làm căn cứ cụ thể); nêu

được những khó khăn hoặc nhu cầu cần thiết của đơn vị để lập kế hoạch vận động tài trợ thiết thực, hiệu quả;

+ Khuyến khích các nhà tài trợ tổ chức thực hiện việc đầu tư, xây dựng theo hình thức **“chìa khóa trao tay”**, mua sắm trang thiết bị và lắp đặt hoàn chỉnh để bàn giao cho cơ sở giáo dục. Mở rộng đối tượng tài trợ, không tập trung vào việc vận động từ cha mẹ học sinh;

+ Việc thành lập và hoạt động của Tổ tiếp nhận tài trợ tại cơ sở giáo dục cần thực hiện đầy đủ theo Điều 6 của Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT về cơ cấu, thành phần, phương thức tổ chức tiếp nhận và trách nhiệm trong việc tiếp nhận và sử dụng tài trợ; thông tin tuyên truyền rộng rãi về Kế hoạch vận động tài trợ sau khi được cấp thẩm quyền phê duyệt, cung cấp thông tin về thời gian, địa điểm, tên và số tài khoản tiếp nhận tài trợ của đơn vị;

+ Các khoản tài trợ phải được tổng hợp kịp thời vào báo cáo quyết toán thu, chi tài chính theo kỳ và báo cáo quyết toán tài chính hàng năm theo quy định.

+ Về chế tài thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 15 của Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT *“Các cơ quan, tổ chức, cá nhân và thủ trưởng cơ sở giáo dục nhận tài trợ thực hiện quy trình vận động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng tài trợ trái với quy định tại Thông tư này thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật”*.

## 2. Đối với kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh:

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh (Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT):

Nghiêm cấm việc lợi dụng danh nghĩa Ban đại diện cha mẹ học sinh để thu các khoản thu ngoài quy định tại Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT;

Yêu cầu các trường xem và thực hiện đúng hướng dẫn theo các văn bản nêu trên từ sự ủng hộ tự nguyện, không quy định mức thu ủng hộ bình quân cho các cha mẹ học sinh và phải công khai dân chủ và có báo quyết toán kinh phí tại cuộc họp toàn thể cha mẹ học sinh lớp và cha mẹ học sinh trường. Việc sử dụng và quản lý **Kinh phí hoạt động Ban đại diện cha mẹ học sinh** phải có xây dựng kế hoạch chi tiêu và thống nhất với Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp và Kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh trường được quy định tại **Điều 10 của Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT** và công văn hướng dẫn số 2466/SGDĐT-KHTC ngày 15/7/2022.

Kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh do Ban đại diện cha mẹ học sinh quản lý, sử dụng và chỉ phục vụ các hoạt động trực tiếp của

Ban đại diện cha mẹ học sinh. Không sử dụng các khoản kinh phí của Ban đại diện cha mẹ học sinh cho các mục đích sau: “*Bảo vệ cơ sở vật chất của nhà trường, bảo đảm an ninh nhà trường, trông coi phương tiện tham gia giao thông của học sinh, vệ sinh lớp học, vệ sinh trường, khen thưởng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường, mua sắm máy móc, trang thiết bị, đồ dùng dạy học cho trường, lớp hoặc cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên nhà trường, hỗ trợ công tác quản lý, tổ chức dạy học và các hoạt động giáo dục, sửa chữa nâng cấp, xây dựng mới các công trình của nhà trường*” (điểm b, khoản 4 Điều 10 của Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT);

Hiệu trưởng thống nhất với Trưởng ban Ban đại diện cha mẹ học sinh trường để quyết định Kế hoạch sử dụng kinh phí của Ban đại diện cha mẹ học sinh trường và chỉ sử dụng sau khi đã được toàn thể Ban đại diện cha mẹ học sinh trường thống nhất ý kiến (không bao gồm kinh phí tài trợ).

#### **IV. Về công tác hạch toán:**

Thực hiện theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp và hướng dẫn tại Công văn 7973/BTC-QLKT ngày 03 tháng 7 năm 2018 của Bộ Tài chính về hạch toán thu học phí tại các cơ sở giáo dục đào tạo công lập.

1. Đối với học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục quy định tại mục I, mục II, mục III Phụ lục đính kèm Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố:

Nợ TK 111/112 - Tiền mặt/ tiền gửi ngân hàng, kho bạc

Có TK 531 - Doanh thu hoạt động SXKD, dịch vụ (chi tiết từng nội dung)

2. Đối với các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục quy định tại mục IV Phụ lục đính kèm Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố:

Nợ TK 111/112 - Tiền mặt/ Tiền gửi ngân hàng, kho bạc

Có TK 3381 - Phải trả khác (chi tiết từng nội dung)

#### **V. Về chế độ miễn, giảm học phí, khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục và hỗ trợ chi phí học tập:**

Tiếp tục thực hiện các chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh và chính sách phát triển giáo dục mầm non ban hành cụ thể như sau:

- Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính

phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

- Công văn số 794/SGDĐT-KHTC ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn thực hiện chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh, sinh viên và chính sách phát triển giáo dục mầm non từ năm học 2021-2022;

- Công văn số 1406/SGDĐT-KHTC ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc hướng dẫn bổ sung thực hiện chính sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo;

- Hỗ trợ học phí cho học sinh theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Thành phố: Tiếp tục thực hiện theo Hướng dẫn số 25942/HD-SLĐTBXH ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn quy trình, khảo sát, xét duyệt danh sách, phương thức, thủ tục chi trả và thanh, quyết toán kinh phí thực hiện một số chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Thành phố.

Phòng Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp nhận danh sách đối tượng học sinh được hưởng trợ cấp theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND để thông báo đến các cơ sở giáo dục trên địa bàn (bao gồm cả các trường trung học phổ thông và các cơ sở giáo dục ngoài công lập) hỗ trợ học sinh trong thời gian hoàn tất thủ tục nhận kinh phí hỗ trợ.

- Hỗ trợ học phí cho học sinh theo Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách hỗ trợ giáo dục đối với trẻ mầm non, học sinh, học viên cao học và nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số tại Thành phố Hồ Chí Minh kể từ năm học 2022-2023: Tiếp tục thực hiện theo Công văn số 2842/SGDĐT-KHTC của Sở Giáo dục và Đào tạo ngày 07 tháng 6 năm 2023 về triển khai quy chế phối hợp thực hiện Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND theo Quyết định số 1962/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ngày 17 tháng 5 năm 2023 về ban hành Quy chế phối hợp thực hiện Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND.

**Lưu ý:** không thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố về quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ

Chí Minh năm học 2023-2024 đối với các đối tượng được quy định tại Khoản 4 Điều 2 của Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND.

#### **VI. Về thanh toán không dùng tiền mặt:**

Thực hiện theo Quyết định số 4579/QĐ-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy định kỹ thuật về dữ liệu trong thanh toán không dùng tiền mặt đối với việc thu học phí và các khoản thu dịch vụ giáo dục và Kế hoạch số 4124/KH-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Kế hoạch số 1273/KH-SGDĐT ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo về triển khai Chương trình chuyển đổi số của Ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2025 và Công văn số 1402/SGDĐT- KHTC ngày 29 tháng 3 năm 2023 về tổ chức triển khai thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2023:

- Yêu cầu 100% các cơ sở giáo dục tạo điều kiện để cha mẹ học sinh không cần phải đến trường để thanh toán học phí và các khoản thu khác, triển khai việc thu học phí và các khoản thu khác bằng phương thức không dùng tiền mặt với nhiều hình thức, bảo đảm việc tổ chức thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Yêu cầu phải đa dạng hóa các kênh thanh toán để cha mẹ học sinh, người học có nhiều sự lựa chọn, thuận tiện trong thanh toán học phí và các khoản thu khác; tạo mọi điều kiện thuận lợi trong việc thanh toán; không tạo lợi thế cho bất kỳ một ngân hàng hay đơn vị trung gian thanh toán để gây khó khăn cho cha mẹ học sinh, người học trong thanh toán học phí, các khoản thu khác.

- Hệ thống thanh toán của cơ sở giáo dục phải thực hiện kết nối với các hệ thống thanh toán được cấp phép theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Việc kết nối giữa hệ thống thanh toán của cơ sở giáo dục với các đơn vị cung cấp dịch vụ thanh toán trung gian thanh toán cần phải hướng đến mục tiêu tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người thực hiện thanh toán, theo hướng có quyền được lựa chọn nhiều đơn vị cung cấp dịch vụ thanh toán, được lựa chọn phương thức thanh toán (như: thanh toán trên thiết bị di động, máy tính, chuyển khoản từ Internet Banking, chuyển khoản qua QR Code, thanh toán từ ví điện tử...). Tăng cường quản lý dữ liệu, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, trong đó lưu ý đến việc làm chủ dữ liệu và bảo mật thông tin riêng tư.

- Để đảm bảo pháp lý, các đơn vị phải thỏa thuận thống nhất với các ngân hàng, các đơn vị trung gian thanh toán trước khi tổ chức thực hiện, đồng

thời thông báo công khai về mức phí sử dụng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt, thao tác thực hiện trên bảng hướng dẫn của nhà trường, phiếu thông báo các khoản thu hàng tháng, trên trang thông tin điện tử... để tất cả cha mẹ học sinh, người học được lựa chọn theo nhu cầu.

Cung cấp đầy đủ thông tin các ngân hàng, các đơn vị trung gian thanh toán đang tham gia triển khai tốt dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt để cha mẹ học sinh an tâm khi sử dụng.

## **VII. Về công khai các khoản thu:**

Các cơ sở giáo dục thực hiện công khai theo các quy định sau:

1. Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

2. Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán, ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính.

3. Tất cả các khoản thu phải được các đơn vị thông báo đầy đủ, công khai bằng văn bản đến phụ huynh học sinh; bộ phận tài vụ của nhà trường thực hiện thu tiền, phát hành biên lai, hóa đơn thu tiền cho từng học sinh không giao cho giáo viên trực tiếp thu, chi tiền và đồng thời thực hiện đầy đủ các chế độ quản lý tài chính theo quy định.

## **VIII. Tổ chức thực hiện:**

1. Các cơ sở giáo dục công lập thuộc Quận:

- Thực hiện thu học phí, các khoản thu khác ngoài học phí theo phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

- Xây dựng Dự toán thu - chi đối với các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục cho từng nội dung thu, làm căn cứ tính toán mức thu cụ thể phù hợp với tình hình thực tế năm học 2023-2024; báo cáo Dự toán thu - chi về cơ quan chủ quản trước khi thông báo công khai mức thu cho cha mẹ học sinh.

- Các khoản thu này phải được thống nhất với cha mẹ học sinh trước khi thực hiện và khi thu phải cấp hóa đơn, biên lai thu tiền cho từng học sinh; thực hiện đầy đủ các chế độ quản lý tài chính theo quy định.

- Thực hiện giãn thời gian thu, không tổ chức thu gộp nhiều khoản thu trong cùng một thời điểm.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về chế độ kế toán,

kiểm toán, nghĩa vụ với ngân sách nhà nước và những quy định hiện hành khác liên quan. Theo dõi, ghi sổ kế toán đầy đủ kịp thời các khoản thu phát sinh tại đơn vị đảm bảo đúng chế độ tài chính, kế toán hiện hành.

- Thủ trưởng các cơ sở giáo dục chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên về các khoản thu tại đơn vị và của Ban đại diện cha mẹ học sinh. Các khoản thu sai quy định phải hoàn trả lại cho người nộp.

- Trên cơ sở dự toán thu, chi và có lấy ý kiến phụ huynh học sinh của từng đơn vị đã được Phòng Tài chính - Kế hoạch và Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 3 thẩm định. Đề nghị các đơn vị thực hiện đúng theo dự toán thu, chi của đơn vị mình đối với thu học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục cho từng nội dung thu phù hợp với tình hình thực tế năm học 2023 - 2024 và các đơn vị không được thu bất kỳ các khoản thu nào khác. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của Pháp luật.

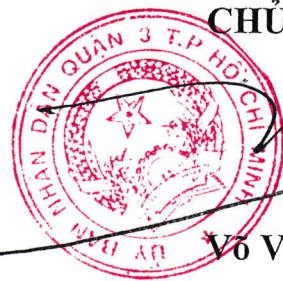
2. Phòng Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch thành lập đoàn kiểm tra tình hình thu chi đầu năm tại các cơ sở trường học trong Quận 3, kịp thời chấn chỉnh tình trạng thu các khoản thu không đúng quy định.

Quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các đơn vị báo cáo về Phòng Tài chính - Kế hoạch Quận 3, Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 3 để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân Quận 3 xem xét giải quyết theo thẩm quyền.

(Đính kèm các bảng tổng hợp mức thu học phí và thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của các trường năm học 2023 – 2024).

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TT. Quận ủy Q.3;
- TT. UBND Q.3 (CT và các Phó CT);
- Lưu: VT, TCKH. D.60b.



**CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Đức**